

Số: **869/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/7/2024

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ.

2. Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Trúc - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1303/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: 307/14 Gia P, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: 13.06 (TTA13.06B) Chung cư Z, tổ 105, khu phố 2, phường T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 13 tháng 7 năm 2023 và bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2023, các biên bản hòa giải nguyên đơn là bà N trình bày: Bà và ông H (sau đây gọi là bị đơn hoặc ông H) chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2018. Vợ, chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã. Vợ, chồng đã nhiều lần hàn gắn, tìm tiếng nói chung nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ, chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông H để hai bên rõ ràng về mặt pháp lý. Về con chung, bà và ông H có 02 (hai) người con chung tên là Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020. Tại phiên hòa giải lần 02 ngày 17/4/2024, bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và giao con chung tên Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà và ông H không yêu cầu cấp dưỡng cho các con chung. Về tài sản chung, bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác thì bà xác định hai bên không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 18/01/2024 và biên bản hòa giải ngày 26/01/2024, bị đơn ông H trình bày: Ông thống nhất ý kiến trình bày của bà N về quá trình kết hôn, về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bà N không chịu nghe lời ông, thường hay cãi lời chồng và dẫn đến vợ, chồng có vài lần xảy ra xô xát nhưng là chuyện bình thường, ông chỉ muốn tốt cho vợ, con. Ông vẫn còn yêu yêu vợ, con nên ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp vợ, chồng ly hôn thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con chung tên Lê Tâm N. Ông đồng ý giao con chung tên Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng cho con chung tên Lê Diệc P. Về tài sản chung, ông và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung, ông xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 02; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông H vắng mặt không rõ lý do tại buổi hòa giải, xét xử nên bị đơn không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải lần 02 ngày 17/4/2024.

Bị đơn: Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà N nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Bà N và ông H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và đã sống ly thân, ông H không có ý kiến phản hồi đối với

việc xin ly hôn của bà N. Như vậy, ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà N. Về con chung thì có 02 (hai) người hai con chung tên là Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020. Bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và giao con chung tên Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà và ông H đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung thì bà N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác thì bà N xác định hai bên không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Bà N có đơn yêu cầu ly hôn với ông H, ông H hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ 13.06 (TTA13.06B) Chung cư Z, tổ 105, khu phố 2, phường T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà N nhưng ông vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét: Yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chăm lo hạnh phúc gia đình. Hiện tại, cả hai đã sống ly thân và bà N không còn tha thiết chung sống với ông H. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H, ông H thì vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử lần 02 không có lý do, không trình bày ý kiến gì, điều này cũng thể hiện ông cũng không có thiện chí muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Từ đó nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà N và ông H đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Có 02 (hai) người con chung tên là Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020. Bà N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con chung tên Lê Diệc P. Ông H đồng ý trực tiếp nuôi con chung tên Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020 và cũng không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con chung tên Lê Tâm N. Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà N và ông H là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà N, ông H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét, giải quyết;

[2.4] *Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác*: Bà N, ông H xác nhận, hai bên không có nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xem xét.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Luật Thi hành án dân sự 2008, được sửa đổi, bổ sung 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2018 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên là Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020. Bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Diệc P, sinh ngày 18/12/2018 và giao con chung tên Lê Tâm N, sinh ngày 14/10/2020 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N và ông H không yêu cầu cấp dưỡng cho các con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà N và ông H xác nhận, hai bên không có nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xem xét.

2. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0026972 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Yến